

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2017

“Về việc: Chia tài sản sau khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Thập

2. Bà Phạm Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc: Chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST- HNGĐ ngày 11-8-2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐHPT ngày 28-8-2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lư Thị H, sinh năm 1979. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Đều trú tại: thôn C, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã H, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức C – Chủ tịch UBND xã H; xin xét xử vắng mặt.

- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, người đại diện là ông Phạm Tâm Ph – Chủ nhiệm Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã ; xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1965. Đều trú tại: số x, đường N, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bà N ủy quyền cho ông Th tham gia phiên tòa. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; Trú tại: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970. Trú tại: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị T1; sinh 1973; Trú tại: thôn N, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đều xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lư Quang T, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1954; Chị Lư Thị T, sinh năm 1976; anh Lư Quang N, sinh năm 1984 ;

Đều trú tại: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lư Quang T1, sinh ngày 05/4/1982;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Hiện đang làm việc, trú tại Công ty sản xuất giấy dán tường; địa chỉ: tỉnh Kiên Ki-Tô, huyện Hoa Sông, xã Tron Nam, đường Quang Hang Kin, số công ty 178-24 - Hàn Quốc. Số chứng minh thư người nước ngoài: xxxxxx.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị T, anh N, anh T1 là ông Lư Quang T, sinh năm 1952. trú tại: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Ông T, anh N - có mặt.

- Bà Thái Thị H, sinh năm 1954 và anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984; đều trú tại: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đều xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lư Quang T2, sinh năm 1970 và chị Thái Thị L, sinh năm 1975; đều trú tại: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đều xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; bà Phạm Thị L, sinh năm 1957; chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980; anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983; đều trú tại: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đều xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống tại Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21-10-2016, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lư Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào ngày 09/5/2002 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Diệu. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tại bản án số 16/2016/HNGĐ ngày 11-8-2016 Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã quyết định xử cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn N và chị trực tiếp nuôi 2 con chung. Khi giải quyết ly hôn, anh chị không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung đến nay hai bên không tự phân chia thỏa thuận về tài sản. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng gồm:

- Về đất: Chị và anh N canh tác trên diện tích 1 mẫu 2 sào 12 thước 5 = 4622m² đất nông nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo chủ trương của địa phương tại khu đồng Chiều Khuê thôn L, xã H, huyện Gia Lộc từ năm 2004 trong đó có 04 sào đất ruộng 03 của gia đình chị chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản, đất nhận thầu khoán của 3 hộ gia đình ông Lư Quang T2, ông Nguyễn

Văn T, bà Thái Thị H 2 sào 2 thước 5 trã sản lượng thông qua Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H và đất thau khoán của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà 6 sào 10 thước theo hợp đồng kinh tế chị ký kết với UBND xã H ngày 15-3-2004. Chị và anh N đã giải quyết ly hôn, đề nghị anh N giao trả lại diện tích đất nông nghiệp của gia đình cho chị được canh tác và chị được tiếp tục canh tác trên đất thau khoán của 3 hộ gia đình, đất thau khoán của UBND xã H nộp sản lượng thông qua Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà (viết tắt là HTXDVNN Lai Hà), xã H, huyện Gia Lộc.

- Các tài sản trên đất: Chị và anh N đã đào ao, xây nhà cấp 4, khu công trình chăn nuôi, trồng trọt cây cối trên đất theo biên bản định giá tài sản xác định trị giá là 179.579.000đồng. Trong thời gian anh chị đang làm thủ tục giải quyết ly hôn tại Tòa án anh N đã bán 2 con lợn xê và 13 con lợn nhỡ được 23.700.000đ; bán cá được 17.300.000đ, bán thóc được 3.170.000đ, tổng là 44.170.000đ; tiền 2 vạn gạch 22.000.000đ chi tiêu riêng; anh N đang sử dụng 01 xe máy Honda trị giá 7.500.000đ. Tuy nhiên, anh N đã chi phí 700.000đ tiền thuê gặt, tuốt lúa vụ Chiêm, chị nhất trí. Nên, tổng tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 252.549.000đồng. Chị đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ số tài sản này và được hưởng các tài sản trên đất. Đối với 01 xe máy Honda nhãn hiệu Wave anh N đang sử dụng, tiếp tục giao cho anh N sử dụng, giấy tờ xe chị H đang quản lý sẽ giao trả lại cho anh N và số tiền anh N đang quản lý. Chị có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N theo quy định pháp luật.

- Về khoản tiền nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chăn nuôi lợn, cá, vịt có mua cám, thức ăn để chăn nuôi và nợ các khoản tiền như sau:

1. Nợ ông Nguyễn Văn Th, bà Bùi Thị N ở số x, đường N, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc số tiền là 140.415.000đ.

2. Nợ anh Nguyễn Hữu V, chị Nguyễn Thị T1 ở thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 8.250.000đ.

3. Nợ anh Nguyễn Công Đ, chị Nguyễn Thị T ở thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 2.440.000đ.

4. Nợ ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L ở thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 1.390.000đ.

5. Ngoài ra, nợ ông Lư Quang T và bà Nguyễn Thị H số tiền là 4.000.000đ vay để chuộc xe máy anh N cầm cố tại Quán Phe, Hồng Hưng, hiện chiếc xe máy anh N đang sử dụng.

6. Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND xã H và HTXDVNN Lai Hà, xã H yêu cầu chị và anh N phải trả sản lượng là 45kg thóc/1 sào/1 năm quy bằng tiền là 5.000đồng/1 kg thóc theo diện tích đất đầu thau khoán của HTXDVNN là 2.134.000đồng và 3 hộ gia đình bà Thái Thị H, ông Nguyễn Văn T và ông Lư Quang T2 để HTX thanh toán cho 3 hộ là 1.706.250đồng từ năm 2014 tính đến hết tháng 7/2017, tổng số tiền là: 3.840.250đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị

được tiếp tục canh tác trên diện tích đất thuê khoán chị sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nộp sản lượng từ tháng 8/2017 theo quy định của địa phương.

Tổng các khoản nợ trên là 160.335.250đồng.

Chị H đề nghị Tòa án chia mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

Chị H nhận trách nhiệm trả các khoản tiền nợ của gia đình anh V, anh Đ, ông Tr, ông T; trả sản lượng thóc quy ra tiền cho UBND xã H, 3 hộ gia đình bà Thái Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Lư Quang T2 và 1 phần nợ của gia đình ông Th, bà N bằng ½ số tiền nợ. Số tiền chị trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N nhưng hiện còn nợ ông T, bà N nên chị sẽ đối trừ số tiền này từ tiền trả cho anh N để trả nợ cho ông T, bà N.

Đối với khoản tiền bán vịt 10.000.000đ, chị không đưa ra được căn cứ anh N bán được số tiền trên hay số vịt bỏ đi như anh N khai trong thời gian chị không có mặt ở nhà nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

Số tiền 5.000.000đ nợ ông Lư Quang T và bà Nguyễn Thị H mua thóc để chăn nuôi chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H có 4,5 chỉ vàng 9999 bố mẹ cho khi chị kết hôn với anh N, chị H đã bán để đào ao thả cá và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nay chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các tài sản anh N đã đốt chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ngày 24-11-2016 anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về đất ao: Anh và chị H đang đầu thuê đất tại khu đồng Chiều Khuê thôn L, xã H là tài sản chung của vợ chồng, anh đang quản lý diện tích đất này, khi nào các con 18 tuổi thì giao lại cho các con sử dụng để làm kinh tế. Hiện nay không chăn nuôi gì cả nhưng cũng không bỏ trống, anh sẽ chăn nuôi, thả cá và nộp đủ sản lượng cho HTXDVNN Lai Hà như trước đây. Anh không nhất trí chia tài sản này.

Đối với đất ruộng nông nghiệp 03 của gia đình ông Tuấn, bà Hưng và chị H, anh đang quản lý thì do tòa án giải quyết, không có ý kiến gì.

Đối với các công trình xây dựng trên đất anh đang quản lý, sử dụng. Cửa, vật dụng trong nhà anh đã đốt hết, hiện nay nhà cửa trống không.

Đối với các tài sản khác: Khi vợ chồng mâu thuẫn chị H bỏ về nhà ngoại thì còn 12 con lợn con thì 7 con ốm chết vì không có cám cho ăn, anh đi mua cám nhưng không ai bán chịu, không có tiền mặt để mua; còn 5 con lợn anh bán được 420.000đ và 2 con lợn mẹ bán được 6 triệu đồng. Anh đọc giấy biên nhận do chị H gửi qua bưu điện cho anh thì số tiền anh đã bán lợn được 23.700.000đ là không đúng. Về vịt: do bị mất trộm ban đêm, anh không bán được con nào. Còn cá ở dưới ao không biết còn bao nhiêu, không thu hoạch nên không biết còn hay hết.

Về tiền thóc: Vụ Chiêm năm 2016 vợ chồng cấy 2 sào lúa: tháng 5/2016 chị H bỏ đi, anh đã thuê gặt và tuốt lúa hết 700.000đ lấy từ tiền bán lợn; tiền bán thóc được

2.000.000đ anh đã đưa cho bà Nguyễn Thị Sự trả tiền đánh chuột, tiền thuế sản lượng hộ còn lại 1.000.000đ bà Sự đã đưa cho anh, anh đang quản lý.

Vợ chồng mua 01 vạn gạch để trên đất của bà Nguyễn Thị Sự là mẹ anh N, năm 2016 anh đã bán trả nợ của anh, không liên quan đến chị H. 01 chiếc xe máy anh đang sử dụng, giấy tờ xe chị H quản lý.

Về các khoản nợ : Chị H đi mua cám chăn nuôi lợn, vịt, cá và là người quản lý kinh tế ở nhà, anh không biết các khoản nợ này chị H tự trả, anh không nhất trí trả nợ. Còn việc anh có nợ tiền không liên quan đến chị H, anh tự giải quyết.

Về số vàng chị H khai có 4,5 chỉ vàng đã bán để đào ao, chi tiêu trong gia đình: anh N không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã H và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H trình bày: Thực hiện Quyết định số 873 ngày 05-5-1999 của UBND tỉnh Hải Dương, căn cứ biên bản thẩm định của UBND huyện Gia Lộc, Nghị quyết Đảng ủy UBND xã H; Nghị quyết Đại hội đại biểu xã viên ngày 15-5-1998, đại hội xã viên ngày 23-4-2001 đã thống nhất dồn ô đổi thửa, chuyển dịch đất nông nghiệp, các hộ tiến hành chuyển dịch và ký kết hợp đồng kinh tế giữa UBND xã và các hộ gia đình thầu khoán đất nông nghiệp, trong đó có khu đồng Chiều Khuê do năng suất gieo trồng kém, bấp bênh, chỉ gieo cấy 1 vụ nên chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang nuôi trồng thủy sản. Năm 2004, chị Lư Thị H ký hợp đồng kinh tế nhận thầu khoán đất nông nghiệp khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H. Tháng 4/2015 chị H đã chuyển nhượng cho gia đình ông Phạm Đình T- người cùng thôn toàn bộ tài sản trên diện tích đất 4191m² để gia đình ông T canh tác và trả sản lượng Hợp tác xã nông nghiệp Lai Hà. Hiện tại, theo sổ sách chị H, anh N đang canh tác tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 diện tích 4622m² đất 03 chuyển đổi của gia đình và tiếp tục thầu khoán từ năm 2014 của UBND xã H, 3 hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, ông Lư Quang T2, bà Thái Thị H đất nông nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại khu Chiều Khuê, thôn L, xã H để nộp sản lượng hàng năm là 45kg thóc /1 sào/1 năm cho HTXDVNN Lai Hà và thông qua HTXDVNN Lai Hà để HTX thanh toán theo năm trả cho 3 hộ gia đình trên. Chị H là xã viên HTXDVNN Lai Hà, giao cho chị H tiếp tục canh tác trên diện tích đất thầu của UBND xã H theo quy định của Nhà nước và nộp sản lượng.

Hiện nay, chị H anh N còn nợ tiền sản lượng của HTXDVNN Lai Hà từ năm 2014 tính đến hết tháng 7/2017 là 2.134.000đồng; của 3 hộ gia đình từ năm 2014 tính đến hết tháng 7/2017 là 1.706.250đồng. Đề nghị chị H, anh N có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trả sản lượng cho HTXDVNN Lai Hà và 3 hộ gia đình.

Hộ gia đình bà Thái Thị H và anh Nguyễn Văn M trình bày: Hiện nay còn nợ tiền sản lượng của gia đình bà từ năm 2014 đến nay, yêu cầu chị H, anh N phải trả sản lượng quy từ thóc ra tiền thông qua HTX nông nghiệp Lai Hà. Nhất

trí tiếp tục cho chị H canh tác diện tích 6 thước 5 = 156m² theo quy định của Nhà nước và trả sản lượng thông qua HTXDVNN Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc.

Hộ gia đình chị Thái Thị L và anh Lư Quang T2 trình bày: Hiện nay còn nợ tiền sản lượng của gia đình ông bà từ năm 2014 đến nay, yêu cầu chị H, anh N phải trả sản lượng quy từ thóc ra tiền thông qua HTX nông nghiệp Lai Hà. Nhất trí tiếp tục cho chị H canh tác diện tích 9 thước = 216m² theo quy định của Nhà nước và trả sản lượng thông qua HTXDVNN Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc.

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị L và các con trình bày: Hiện nay còn nợ tiền sản lượng của gia đình từ năm 2014 đến nay, yêu cầu chị H, anh N phải trả sản lượng quy từ thóc ra tiền thông qua HTXDV nông nghiệp Lai Hà. Nhất trí tiếp tục cho chị H thuê khoán diện tích 1 sào 2 thước = 408m² theo quy định của Nhà nước và trả sản lượng thông qua HTXDVNN Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc.

2. Ông Nguyễn Văn Th, bà Bùi Thị N trình bày: Theo sổ ghi lấy cám chăn nuôi và tiền nợ từ ngày 08/01/2014 đến ngày 04/01/2016, chị H, anh N đã mua cám của ông bà và còn nợ ông bà tổng số tiền là 140.415.000 đồng. Nay anh N, chị H đã ly hôn và chia tài sản chung, đề nghị chị H, anh N phải có trách nhiệm trả nợ chung cho ông bà, không yêu cầu trả lãi. Chị H phải trả chênh lệch tài sản cho anh N thì khoản tiền đó trả sang cho ông bà để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

3. Anh Nguyễn Hữu V, chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Từ ngày 14/3/2016 đến ngày 22/4/2016 chị H có mua cám và còn nợ số tiền là 8.250.000đ. Nay anh chị ly hôn, phân chia tài sản, yêu cầu anh N chị H có trách nhiệm trả nợ khoản tiền này, không yêu cầu trả lãi. Đề nghị Tòa án giao cho chị H trả nợ khoản tiền này.

4. Anh Nguyễn Công Đ, chị Nguyễn Thị T trình bày: Từ ngày 8/4/2016 đến ngày 4/5/2016 chị H có mua cám lợn và nợ số tiền mua cám là 2.440.000đ. Nay anh chị ly hôn, phân chia tài sản, yêu cầu anh N chị H có trách nhiệm trả nợ khoản tiền này, không yêu cầu trả lãi. Đề nghị Tòa án giao cho chị H trả nợ khoản tiền này.

5. Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2016 chị H và anh N có mua cám lợn lãi nợ số tiền là 1.390.000đ. Nay anh chị ly hôn, phân chia tài sản, yêu cầu anh N chị H có trách nhiệm trả nợ khoản tiền này, không yêu cầu trả lãi. Đề nghị Tòa án giao cho chị H trả nợ khoản tiền này.

6. Ông Lư Quang T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Hưng, anh Tấn, anh Núi, chị Thủy trình bày: Hiện nay, anh N đang quản lý đất nông nghiệp của gia đình ông, đất thuê khoán của UBND xã H và 3 hộ gia đình. Sau khi chị H và anh N ly hôn, anh N quản lý nhưng không sử dụng, nuôi trồng trên đất, không nộp sản lượng cho Hợp tác xã. Đề nghị giao trả đất 03 cho gia đình ông để chị H được tiếp tục canh tác trên diện tích đất này. Anh N và chị H có vay ông bà tiền để chuộc xe máy là

4.000.000đồng có anh Vũ Thanh T chứng kiến. Nay anh chị ly hôn, phân chia tài sản, yêu cầu anh N chị H có trách nhiệm trả nợ khoản tiền này, không yêu cầu trả lãi. Đề nghị Tòa án giao cho chị H trả nợ khoản tiền này. Về khoản tiền thóc 5.000.000đ, ông không yêu cầu chị H, anh N trả khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Toà án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết, xét xử tại phiên toà Thẩm phán, HĐXX, thư ký và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng trình tự tố tụng, chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 33, 57, 58, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 212, 213 Bộ luật dân sự; các Điều 40, 131, 166, 170, 179, 190, 210 Luật đất đai 2013; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Về đất: Giao cho chị Lư Thi H tiếp tục sử dụng diện tích 4622m² đất nông nghiệp theo quy định của nhà nước.

Về tài sản trên đất: Giao cho chị Lư Thi H sở hữu, sử dụng 01 nhà xây cấp 4, khu công trình chăn nuôi, diện tích ao, cây cối trên đất theo biên bản định giá tài sản xác định trị giá là 179.579.000đồng. Giao cho anh Nguyễn Văn N được sử dụng số tài sản: 01 xe máy nhãn hiệu Wave BKS: 34N5-8201 trị giá 7.500.000đ; số tiền bán 02 vạn gạch: 22.000.000đ; số tiền bán thóc, cá, lợn là 43.470.000đ. Tổng là 72.970.000đồng. Chị H phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N là 53.304.500đồng.

Về khoản tiền nợ: Xác định khoản nợ chung của chị H và anh N là 160.335.250đồng. Chị H, anh N mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ khoản nợ là: 80.167.625đồng. Đề nghị HĐXX phân chia trả nợ trên cơ sở ý kiến của các đương sự và theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

Về tố tụng:

[I] Chị Lư Thi H có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết về việc chia tài sản sau khi ly hôn tại thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đối với anh Nguyễn Văn N. Quá trình giải quyết vụ án phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lư Quang T1 sinh ngày 05/4/1982 (là em trai chị H) đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2014. Hiện đang làm việc tại Công ty sản xuất giấy dán tường; địa chỉ: tỉnh Kiên Ki-Tô, huyện Hoa Sông, xã Tron Nam, đường Quang Hang Kin, số công ty 178-24 - Hàn Quốc. Ngày 23-

01-2017 anh Tấn đã ủy quyền cho ông Lư Quang T (là bố đẻ) tham gia gia tố tụng tại Tòa án. Ông T đã nhận sự ủy quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các hoạt động tố tụng và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 177, Điều 178, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc quyết định xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của các đương sự:

Theo các tài liệu thu thập, xác minh tại UBND xã, Hợp tác xã nông nghiệp Lai Hà; lời khai của chị H, anh N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì thấy:

[II] Ngày 15-3-2004 chị Lư Thị H ký hợp đồng kinh tế về việc giao khoán diện tích đất canh tác HTXDVNN Lai Hà, theo hợp đồng này thì chị H là xã viên HTX nhận thầu tại khu đồng Chiều Khuê tổng diện tích 2 mẫu 4 sào 7 thước 2 (8813m²), trong đó diện tích đất vòng 1 là 3.975m², diện tích đất vòng 2 4.838m². Sản lượng thanh toán hàng năm theo quy định của HTX và đại hội xã viên quy định hàng vụ, hàng năm. Thời hạn khoán kể từ ngày 15-3-2004 đến hết thời điểm quy định của Nhà nước. Quá trình sử dụng, tháng 4/2015 chị H, anh N đã chuyển nhượng cho hộ gia đình ông Phạm Đình T người cùng thôn toàn bộ cơ sở vật chất, tài sản trên diện tích 01 mẫu 1 sào 9 thước 6 = 4191m² để gia đình ông Tám canh tác nộp sản lượng cho HTXNN Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc.

[III] Theo tài liệu và lời trình bày của đại diện HTXDVNN Lai Hà thì hiện chị H, anh N đang sử dụng diện tích 1 mẫu 2 sào 12 thước 5 là 4622m² đất nông nghiệp đã chuyển đổi mục đích sử dụng gồm: 4 sào = 1440m² của gia đình ông Lư Quang T; đất thầu khoán thông qua HTXDVNN Lai Hà của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là 1 sào 2 thước = 408m²; của hộ gia đình bà Thái Thị H 6 thước 5 = 156m², hộ gia đình anh Lư Quang T2 là 9 thước = 216m² và trả sản lượng thông qua hợp tác xã là 45kg thóc/1 sào/1 năm. Đất thầu khoán của UBND xã H là 6 sào 10 thước = 2400m² và trả sản lượng cho HTXDVNN Lai Hà, xã H là 45kg thóc/1 sào/1 năm tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H. Quá trình chung sống, chị H và anh N đã đào ao thả cá, xây dựng nhà ở, xây dựng khu công trình để chăn nuôi lợn, vịt, trồng cây...theo đúng hợp đồng kinh tế ký kết về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Chị Lư Thị H là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp Lai Hà đã ký

hợp đồng đấu thầu chuyên đổi vùng chiêu Khuê để đào ao thả cá và chăn nuôi theo đúng hợp đồng ký kết giữa chị H và UBND xã H, hiện anh N đang quản lý nhưng không sử dụng đúng mục đích của việc chuyển đổi đất nông nghiệp và không nộp sản lượng cho HTX. Anh N không phải là xã viên hợp tác xã nông nghiệp Lai Hà, không có đất 03 tại thôn L, đất 03 của anh N tại thôn T, xã H nên giao cho chị H tiếp tục canh tác đất thầu khoán của HTX với thời hạn theo quy định của nhà nước trong tổng diện tích đất trên và nộp sản lượng cho HTX. Theo ý kiến của các thành viên 3 hộ gia đình: bà Thái Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Lư Quang T2: Nhất trí giao diện tích đất 03 của hộ gia đình cho chị H tiếp tục thầu khoán nộp sản lượng thông qua HTXDVNN Lai Hà cho các hộ thời hạn theo quy định của nhà nước.

Theo ý kiến của chị H và ông T (đại diện theo ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình) anh N phải giao trả diện tích đất 03 của gia đình là 4 sào = 1440m² trong tổng diện tích đất trên cho gia đình canh tác theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp của hộ gia đình được nhà nước giao sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Giao cho chị H được tiếp tục canh tác.

Mặt khác, sau khi giữa chị H và anh N giải quyết ly hôn, anh N quản lý, sử dụng diện tích đất này nhưng anh N không canh tác trên thửa đất trên. Chị H có nguyện vọng sử dụng toàn bộ diện tích đất này để thả cá, chăn nuôi và nộp sản lượng cho HTXDVNN Lai Hà từ tháng 8 năm 2017 theo như hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Từ những nhận định trên thấy rằng, theo quy định của Luật đất đai; ý kiến của đại diện UBND xã H; đại diện HTXDVNN Lai Hà; các hộ gia đình có đất cho thầu khoán thông qua HTXNN Lai Hà và xét nguyện vọng của gia đình ông T, chị H là chính đáng. Anh N giao trả diện tích đất 03 của gia đình ông Lư Quang T là 1440m² trong diện tích 4622m² tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 tại khu đồng Chiêu Khuê, thôn L, xã H, huyện Gia Lộc và giao chị Lư Thị H tiếp tục canh tác theo thời hạn quy định của Nhà nước.

Tạm giao cho chị Lư Thị H tiếp tục sử dụng diện tích đất 03 chuyển dịch thầu khoán của 3 hộ gia đình bà Thái Thị H, ông Nguyễn Văn T, anh Lư Quang T2 là 2 sào 2 thước 5: 780m² và nộp sản lượng trả 3 hộ trên thông qua HTXDVNN Lai Hà để HTX thanh toán sản lượng 45 kg thóc/1 sào/1 năm quy bằng tiền theo thời hạn quy định của Nhà nước.

Tạm giao cho chị Lư Thị H tiếp tục sử dụng diện tích đất thầu khoán của UBND xã H là 6 sào 10 thước: 2400m² và nộp sản lượng cho HTXDVNN Lai Hà sản lượng 45 kg thóc/1 sào/1 năm quy bằng tiền theo thời hạn quy định của Nhà nước.

Về tài sản trên đất xác định:

[IV] Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh N tạo lập được khối tài sản chung theo biên bản định giá tài sản ngày 27-7-2017 như sau: Một nhà 3 gian,

phần sân nhà lát gạch đỏ; Công trình phụ gồm 01 nhà tắm + 01 nhà bếp; Khu chăn nuôi giá trị là: 52.182.000 đồng. Cây cối trên đất có giá trị là 6.906.000 đồng. Chi phí đào đắp diện tích ao là 120.491.000 đồng. 01 chiếc xe máy Honda nhãn hiệu Wave BKS: 34N5-8201 mua năm 2012 đã qua sử dụng, giá trị hiện còn là 7.500.000 đồng (anh N đang sử dụng); 02 vạn gạch chỉ đặc trị giá là 22.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 209.079.000đồng.

Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, giải quyết ly hôn tại Tòa án thì anh N quản lý và có bán các tài sản chung như sau:

Theo anh N khai vợ chồng có 01 vạn gạch anh đã bán để trả nợ của anh nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị Sự (mẹ anh N) và chị H xác định vợ chồng có 2 vạn, anh N đã bán để trả nợ không xác định được ai, nên xác định tài sản chung của vợ chồng có 02 vạn gạch trị giá 22.000.000đ như biên bản định giá tài sản, anh N đang quản lý số tiền này.

Đối với số tiền bán lợn, cá: Theo lời khai của chị H và ông Lu Quang T là bố chị H thì đầu tháng 6/2016 vợ chồng mâu thuẫn chị H bỏ về nhà bố mẹ ở thì chị H anh N đang thả cá, nuôi 2 con lợn xề và 13 con lợn nhỡ. Việc chăn nuôi vẫn còn cám, thóc chị đã mua. Theo lời khai của anh Vũ Thanh T là hàng xóm ở khu đầm nuôi cá và là bạn của anh N thì khi chị H, anh N mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ ở, anh N đã tự bán toàn bộ số lợn, cá. Như vậy, xác định anh N, chị H có số tài sản là lợn, cá. Anh N không thừa nhận bán được số tiền như chị H kê khai nhưng căn cứ vào giấy xác nhận và lời khai của ông Nguyễn Văn T4 là người trực tiếp mua cá của anh N xác nhận đầu tháng 8/2016 đã mua và trả tiền cho anh N là 17.300.000đ, khi xe chở cá đi chị H có đến và biết việc mua bán cá (BL 10, 283); đối với số tiền bán lợn: Lời khai anh Phùng Văn H ở thôn N, xã P, huyện Gia Lộc thông qua anh Nguyễn Văn V ở thôn T, xã H, huyện Gia Lộc xác nhận đầu tháng 8-2016 đã mua của anh N 13 con lợn nhỡ và 2 con lợn xề, thông qua anh Vịnh đã trả tiền cho anh N là 23.700.000đ phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X (BL 11,69, 283a) nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H số tiền bán lợn, cá tổng là 41.000.000đ là số tiền chung của vợ chồng, anh N đang quản lý.

Đối với số tiền bán thóc trong đó tiền bán thóc cho anh Đ là 2.170.000đ theo anh Đ xác nhận ngày 7-7-2016 có mua của anh N 395kg thóc số tiền là 2.170.000đ có ghi sổ sách và anh Đ đã giao tiền cho anh N. Còn số tiền bán thóc vụ Chiêm là 2.000.000đ, đã nộp sản lượng, tiền đánh chuột...hiện còn 1.000.000đ, anh N thừa nhận đang quản lý số tiền này, chị H cũng nhất trí khoản tiền bán thóc còn 1.000.000đ. Tổng là 3.170.000đ nên xác định số tiền này là tài sản chung của vợ chồng, anh N đang quản lý.

Tuy nhiên, anh N đã thuê gặt, tuốt lúa vụ Chiêm hết 700.000đồng để thu hoạch được số thóc vụ chiêm lấy từ tiền bán lợn. Chị H nhất trí.

Đối với số vịt theo anh N khai đã bị mất trộm trong thời gian chị H không có mặt ở nhà, tại phiên tòa chị H không đề nghị xem xét khoản tiền bán vịt, nên HĐXX không xem xét.

Tổng tài sản chung của anh N, chị H là 252.549.000đồng. Đây là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên cần chia mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản là 126.274.500đồng.

Giao chị H được sử dụng các tài sản trên đất gồm diện tích ao, nhà và công trình, cây cối trên đất trị giá: 179.579.000đồng.

Anh N đang quản lý số tài sản là 01 xe máy trị giá: 7.500.000đ, số tiền 02 vạn gạch 22.000.000đ, tiền bán thóc, lợn, cá: 44.170.000đ - 700.000đ = 43.470.000đ. Tổng là 72.970.000đồng. Giao cho anh N sử dụng số tiền này.

Chị H phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N là 53.304.500đồng.

[V] Về khoản tiền nợ:

Đối với khoản nợ ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị N số tiền 140.415.000đ: theo lời khai của chị H khai từ 2014 đến thời điểm 2 vợ chồng mâu thuẫn, giải quyết ly hôn chị và anh N chăn nuôi lợn, vịt, cá có mua cám của ông Th, bà N còn nợ 140.415.000đ, ông Th cung cấp sổ sách ghi nợ mua cám của gia đình chị H có chữ ký của anh N chốt nợ và các lần lấy cám, có lần anh N có đem trả tiền và ký giao tiền; thực tế anh N, chị H có chăn nuôi, hiện còn nợ 140.415.000đ nên xác định đây là khoản nợ chung của chị H và anh N.

Đối với khoản nợ của vợ chồng anh Nguyễn Hữu V, chị Nguyễn Thị T1 8.250.000đ: theo lời khai của anh V, chị T và tài liệu cung cấp sổ ghi nợ tiền của chị H và anh N thì vợ chồng H – N có mua 25 bao cám từ ngày 14/3/2016 đến ngày 22/4/2016 số tiền 8.250.000đ, hiện chưa trả (BL 53, 236). Đối với khoản nợ vợ chồng anh Nguyễn Công Đ, chị Nguyễn Thị T 2.440.000đ: theo lời khai của anh Đ, chị T và tài liệu cung cấp sổ ghi nợ tiền của chị H và anh N thì vợ chồng H – N còn nợ số tiền 2.440.000đ mua cám lợn từ ngày 8/4/2016 đến ngày 4/5/2016 chưa trả (BL 35, 237). Đối với khoản nợ vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L số tiền 1.390.000đ: theo lời khai của ông Tr, bà Luân và tài liệu cung cấp sổ ghi nợ tiền của chị H và anh N thì vợ chồng Hiên – Nghiệp còn nợ số tiền 1.390.000đ mua cám lợn lái từ ngày 30/3/2016 đến ngày 12/5/2016 chưa trả. Các khoản tiền nợ này, chị H mua cám về chăn nuôi lợn, vịt, cá trong thời kỳ hôn nhân, ngày 13/6/2016 chị H về nhà bố mẹ đẻ ở anh N còn dùng các thức ăn này để chăn nuôi đến đầu tháng 8/2016 khi hết thức ăn đã bán lợn, cá, vịt nên xác định đây là khoản nợ chung của chị H và anh N.

Đối với khoản nợ 4.000.000đ của ông Lư Quang T và bà Vũ Thị H: Theo lời khai của T, bà H đầu năm 2016 anh N cầm cố xe máy Honda, chị H vay số tiền 4.000.000đ để chuộc xe máy. Chị H xác nhận có vay số tiền trên. Anh Vũ Thanh T là hàng xóm cùng làm vùng ao chứng kiến, có lời khai xác nhận có việc chị H vay tiền ông T để chuộc xe máy anh N cầm cố tại quán Phe, Hồng Hưng, chiếc xe máy hiện anh N đang sử dụng nên xác định đây là khoản nợ chung của

vợ chồng. Các khoản nợ ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị N; anh Nguyễn Hữu V và chị Nguyễn Thị T1; anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L, ông Lu Quang T và bà Vũ Thị H đều không đề nghị tính lãi suất, nên Tòa án không xem xét tính lãi suất đối với các khoản tiền nợ từ thời điểm nợ đến ngày xét xử.

Đối với khoản tiền nộp sản lượng của HTX nông nghiệp Lai Hà là 2.134.000đ và sản lượng của 3 hộ gia đình chị H, anh N nộp thông qua HTXNN Lai Hà: ông Nguyễn Văn T 892.500đ; ông Lu Quang T2 472.500đ, bà Thái Thị H 341.250đ từ năm 2014 đến hết tháng 7/2017 là 3.840.250đồng. Chị H, anh N chưa thanh toán khoản tiền nộp sản lượng này cho HTXNN Lai Hà nên xác định là nợ chung của chị H và anh N.

Tổng các khoản nợ trên là 160.335.250đồng. Như vậy, chị H, anh N mỗi người phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ là: 80.167.625đồng.

Theo ý kiến của chị H nhận trách nhiệm trả các khoản nợ: Hợp tác nông nghiệp Lai Hà và 3 hộ gia đình 3.840.250đ; anh V và chị T: 8.250.000đ, anh Đ và chị T 2.440.000đ, ông Tr và bà L: 1.390.000đ, ông Tuấn và bà Hung 4.000.000đ, ông Th và bà N 60.247.375đồng, xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cần chấp nhận.

Do chị H được hưởng phần tài sản nhiều hơn anh N và phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N là 53.304.500đồng. Theo ý kiến của chị H và ý kiến của ông Th về số tiền chênh lệch chị H phải trả cho anh N thì trả cho ông Th, bà N là 53.304.500đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị H và hợp lý nên cần tuyên chị H phải trả số tiền chênh lệch cho anh N thì trả cho ông Th, bà N số tiền là 53.304.500đồng. Số tiền chị H phải trả cho ông Th, bà N là 113.551.875đồng.

Chị Lu Thị H phải trả tổng số tiền nợ là 133.472.125đồng.

Anh Nguyễn Văn N còn phải trả nợ cho ông Th, bà N số tiền là 26.863.125đồng.

Đối với số tiền bán vịt theo chị H khai anh N bán được 10.000.000đồng, tại phiên tòa chị H khai trong thời gian này chị không có mặt ở nhà và cũng không biết anh N bán cho ai, anh N khai vịt đã bỏ đi mất, chị H không đề nghị xem xét khoản tiền này là tiền chung của vợ chồng nên HĐXX không giải quyết.

Đối với khoản nợ 5.000.000đồng của ông T và bà H, tại phiên tòa chị H và ông T không đề nghị xem xét khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không giải quyết.

Đối với những tài sản anh N đã đốt cháy gồm 5 bộ cánh cửa, 02 giường, 02 tủ, 01 bếp ga, 01 sập gỗ lim, quạt điện, xoong nồi, bát đĩa... chị H không đề nghị Tòa án định giá và giải quyết các tài sản này nên HĐXX không giải quyết.

Đối với số vàng 4,5 chỉ, chị H không đề nghị nên HĐXX không giải quyết.

Đối với tiền thẩm định, định giá tài sản chị H không đề nghị gì và tự nguyện chi phí khoản tiền này.

Về án phí: Chị Lư Thị H và anh Nguyễn Văn N không thoả thuận được phân chia tài sản nên phải chịu án phí chia tài sản và án phí về khoản tiền nợ phải trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 57, 58, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ các Điều 212, 213, 483, 484, 485, 486, 488, 489; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 40, 131, 166, 170, 179, 190, 210 Luật đất đai;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 3; Điều 471; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Xác định diện tích đất nông nghiệp 4622m² tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 tại khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương của UBND xã H, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, của hộ gia đình ông Lư Quang T, của 3 hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, ông Lư Quang T2, bà Thái Thị H, đều trú tại: Thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

1.1. Anh Nguyễn Văn N giao trả gia đình ông Lư Quang T, bà Vũ Thị H, chị Lư Thị H, anh Lư Quang T1, chị Lư Thị T, anh Lư Quang N diện tích 1440m² đất nông nghiệp trong diện tích đất nông nghiệp 4622m² tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 tại khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Giao cho chị Lư Thị H tiếp tục canh tác trên diện tích 1440m² đất nông nghiệp trong diện tích đất nông nghiệp 4622m² tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 tại khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

1.2. Tạm giao cho chị Lư Thị H tiếp tục canh tác diện tích đất nông nghiệp thửa khoán 2400m² của UBND xã H và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc; của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T diện tích 408m²; của hộ gia đình bà Thái Thị H diện tích 156m²; của hộ gia đình ông Lư Quang T2 diện tích 216m² trong diện tích đất nông nghiệp 4622m² tại thửa số 108 tờ bản đồ số 9 khu đồng Chiều Khuê, thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương theo hợp đồng kinh tế, sử dụng đúng mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo thời hạn quy định của Nhà nước và nộp sản lượng kể từ tháng 8/2017 theo quy định của UBND xã H, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc trong thời hạn canh tác.

2. Xác định khối tài sản chung của chị Lư Thị H và anh Nguyễn Văn N như sau:

- Khoản tiền anh N quản lý: 72.970.000đồng.
- Giá trị nhà, công trình trên đất: 52.182.000đồng.
- Giá trị cây cối trên đất: 6.906.000đồng.
- Giá trị diện tích ao: 120.491.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 252.549.000đồng.

2.1 Giao cho chị Lư Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương được sở hữu và sử dụng: Nhà, công trình trên đất: 52.182.000đồng; cây cối trên đất: 6.906.000đồng; diện tích ao trị giá: 120.491.000đồng. Tổng tài sản là 179.579.000đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

2.2 Giao cho anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương được sử dụng số tài sản: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave BKS: 34N5-8201 mang tên Nguyễn Thị V, địa chỉ: xã H, Gia Lộc, Hải Dương trị giá 7.500.000đồng; số tiền bán 02 vạn gạch: 22.000.000đồng; số tiền bán thóc, cá, lợn là 43.470.000đồng. Tổng là 72.970.000đồng (*Bảy mươi hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Chị Lư Thị H có trách nhiệm giao giấy tờ chiếc xe máy nhãn hiệu Wave BKS: 34N5-8201 cho anh Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng.

3. Về khoản tiền nợ:

Giao cho chị Lư Thị H phải trả các khoản tiền nợ sau:

3.1 Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị T1, cư trú tại thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 8.250.000đồng.

3.2 Anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị T, cư trú tại thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 2.440.000đồng.

3.3 Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị L, cư trú tại thôn N, xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương số tiền là 1.390.000đồng.

3.4 Ông Lư Quang T và bà Vũ Thị H, cư trú tại thôn L, xã H, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền là 4.000.000đồng.

3.5 Ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị N, cư trú tại số 142, đường Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền là 113.551.875đồng.

3.6 Ủy ban nhân dân xã H và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc số tiền sản lượng từ năm 2014 tính đến hết tháng 7/2017 là 2.134.000đồng.

3.7 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lai Hà, xã H, huyện Gia Lộc số tiền sản lượng từ năm 2014 tính đến hết tháng 7/2017 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là 892.500đồng; Hộ gia đình bà Thái Thị H là 341.250đồng; Hộ gia đình ông Lư Quang T2 là 472.500đồng để HTXDVNN Lai Hà thanh toán trả tiền sản lượng cho 3 hộ trên.

Tổng số tiền chị H phải trả là 133.472.125đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

3.8 Anh Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm trả khoản nợ cho ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị N, cư trú tại số x, đường N, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền là 26.863.125đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Chị Lư Thị H phải chịu 6.313.725đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và 4.008.381đồng án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền nợ phải trả; tổng là 10.322.106đồng được khấu trừ số tiền 1.900.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2014/007970 ngày 17-10-2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị Lư Thị H còn phải nộp 8.422.106đồng (*Tám triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn một trăm linh sáu đồng*).

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 6.313.725đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và 4.008.381đồng án phí dân sự về khoản tiền nợ phải trả. Tổng là 10.322.106đồng (*Mười triệu ba trăm hai mươi hai nghìn một trăm linh sáu đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THA DS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN THỊ THU

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN THỊ THU

Trong quá trình chúng tôi giải quyết ly hôn, anh N đã bán một số tài sản gồm: 13 con lợn nhỡ, 02 con lợn xề cho chị Xoan ở Thụy Lương, H, Gia Lộc, Hải Dương với số tiền 23.700.000 đồng; bán cá cho anh Thức được 17.300.000 đồng. Còn số vịt (170 con vịt đẻ, 28 con vịt thịt) tôi được biết anh N đã bán, bán cho ai thì tôi không biết, tôi chỉ biết anh N đã bán được 10 triệu đồng.

Ngoài ra, chúng tôi còn có các tài sản chung gồm: 2 vạn gạch chỉ đặc hiện anh N đã bán, anh N bán cho ai, được bao nhiêu tiền thì tôi không biết. Đối với số tiền bà Nguyễn Thị Sự bán thóc là 2 triệu đồng và 2.170.000 đồng anh N bán thóc cho vợ chồng Tình Đang. Tổng là 4.170.000 đồng. Số tiền 2 triệu đồng bà Sự khai đã trả tiền sản lượng, tiền đánh chuột, tiền vịt phá lúa của gia đình chị Hằng, anh Chí hết 1.000.000 đồng, tôi nhất trí; còn 1.000.000 đồng bà Sự đưa cho anh N quản lý, anh N cũng thừa nhận đang quản lý số tiền 1.000.000 đồng bà Sự đã đưa cho anh. Như vậy, anh N hiện đang quản lý 3.170.000 đồng tiền bán thóc. Khoản tiền này chỉ còn liên quan giữa tôi và anh N, không liên quan đến bà Sự, chị Hằng, anh Chí.

+ 01 chiếc xe máy cũ nhãn hiệu Honda mua năm 2012 với giá 10.500.000 đồng, hiện anh N đang quản lý. Năm 2016, anh N đã đem chiếc xe này đi cầm cố, sau đó tôi đã vay tiền của bố đẻ tôi là ông Lư Quang T số tiền 4.000.000 đồng để chuộc xe về.

Tôi chỉ đề nghị Tòa án định giá 02 vạn gạch chỉ và 01 chiếc xe máy. Còn lại những tài sản như vịt, lợn, cá anh N đã bán và đang quản lý số tiền bán vịt, lợn, cá này nên tôi chấp nhận với giá anh N đã bán.

+ Ngoài ra, chúng tôi còn nợ ông Lư Quang T 20 bao thóc, mỗi bao thóc là 50kg, giá 1 kg thóc là 5.000 đồng (tiền thóc tính ra tương đương với giá nộp sản lượng của hợp tác xã), tương đương với 5 triệu đồng tại thời điểm cho vay từ năm 2013 đến năm 2015.

Đối với những tài sản anh N đã đốt cháy gồm 5 bộ cánh cửa, 02 giường, 02 tủ, 01 bếp ga, 01 sập gỗ lim, quạt điện, xoong nồi, bát đĩa... tôi không đề nghị Tòa án định giá và giải quyết các tài sản này.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất ông V_i, bà Thu đã nhiều lần ký làm thủ tục thế chấp để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Gia Khánh . Từ những căn cứ trên, khẳng định ông V_y đã tự nguyện nhập diện tích đất được tặng cho vào làm tài sản chung của vợ chồng và năm 1996 ông bà đã xây nhà trên diện tích này nếu không phải là tài sản chung thì không thể có việc vợ chồng cùng xây dựng nhà trên đất được. Do đó, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.